|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI CÁC TRƯỜNG CHUYÊN****VÙNG DUYÊN HẢI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ****TRƯỜNG THPT CHUYÊN TUYÊN QUANG** **ĐỀ ĐỀ XUẤT** | **ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LẦN THỨ XIV****MÔN ĐỊA LÝ** – **LỚP 11 – NĂM 2023****Thời gian làm bài: 180 phút** |

**Câu I. (*3,00 điểm*):**

1. Giải thích đặc điểm biên độ nhiệt năm và biên độ nhiệt ngày đêm ở vùng ngoại chí tuyến. Tại sao ở đới khí hậu cận nhiệt đới có nhiều kiểu khí hậu?

2. Tại sao cùng nằm trong khu vực lặng gió nhưng khu vực xích đạo mưa nhiều còn khu vực chí tuyến mưa ít?

**Câu II. (*2,00 điểm*):**

1. Ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng có vai trò như thế nào đối với phát triển kinh tế - xã hội?

2. Chứng minh quá trình đô thị hóa tác động sâu sắc tới quần cư nông thôn. Tại sao hiện nay ở các nước đang phát triển tốc độ tăng số dân thành thị nhanh?

**Câu III. (*3,00 điểm*):** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

1. Trình bày về các bộ phận hợp thành vùng biển của nước ta.

2. Giải thích nguyên nhân hình thành gió mùa ở nước ta. Tại sao gió mùa mùa Đông ở nước ta hoạt động từng đợt?

**Câu IV. (*3,00 điểm*):** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

1. Trình bày đặc điểm tự nhiên của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

2. Giải thích về đặc điểm thành phần loài sinh vật của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta.

**Câu V. (*3,00 điểm*)** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

1. Phân tích sự thay đổi về quy mô dân số, cơ cấu dân số theo tuổi và theo giới tính của nước ta trong thời gian gần đây.

2. Phân tích mối quan hệ giữa cơ cấu dân số theo giới và các vấn đề kinh tế - xã hội của nước ta. Di cư ảnh hưởng đến cơ cấu dân số theo giới và theo tuổi của Đông Nam Bộ trong thời gian gần đây như thế nào?

**Câu VI. (*3,00 điểm*)**

 Trình bày vai trò của ngành sản xuất cây lương thực ở nước ta. Nhận xét và giải thích xu hướng thay đổi diện tích cây công nghiệp lâu năm và hàng năm của nước ta.

 **Câu VII. (*3,00 điểm*)**

Dựa vào bảng số liệu sau, nhận xét và giải thích về tình hình phát triển ngành nuôi trồng thuỷ sản nước ta, giai đoạn 2015 - 2019.

DIỆN TÍCH NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN VÀ SẢN LƯỢNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Diện tích nuôi trồng thuỷ sản**(Nghìn ha) | **Sản lượng thủy sản**(Nghìn tấn) |
| **Tổng số** | **Diện tích nuôi thủy sản biển** | **Diện tích nuôi thủy sản nội địa** | **Nuôi trồng** | **Tổng** |
| **Tổng số** | **Cá** | **Tôm** | **Tổng số** | **Cá**  | **Tôm**  |
| 2015 | 1057,3 | 40,8 | 0,6 | 4,3 | 1012,1 | 327,3 | 668,4 | 3532,2 | 6582,1 |
| 2017 | 1106,8 | 48,2 | 0,6 | 2,5 | 1054,0 | 322,0 | 720,7 | 3892,9 | 7313,4 |
| 2019 | 1147,8 | 44,5 | 0,6 | 2,4 | 1095,2 | 333,6 | 749,9 | 4492,5 | 8270,2 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, Nhà xuất bản thống kê, 2021)*

**-------------- HẾT --------------**

* *Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam, NXB Giáo dục phát hành.*
* *Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*